TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2026/HNGĐ-ST
Ngày 13 – 3 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Thanh Bự.

Bà Ngô Hồng Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 535/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Chúc N, sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau – Căn cước công dân số 096195005549, cấp ngày 08/12/2021 (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trương Bảo N1, sinh năm 1997. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau – Giấy chứng minh nhân dân số 381873611, cấp ngày 29/10/2014 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của chị Trương Chúc N, thể hiện*:

Chị N và anh Trương Bảo N1 chung sống vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh N1 đi chơi thường xuyên, không quan tâm đến gia đình, sự việc được hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, chị N xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh N1.

Quá trình chung sống chị N và anh N1 không có con chung, không có tài sản chung, không thiếu nợ ai hoặc ai thiếu nợ lại.

** Đối với anh Trương Bảo N1*: Mặc dù đã được tống đạt thông báo về việc

thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh N1 không có ý kiến gì về các nội dung chị N yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trương Bảo N1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N1 là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Chúc N và anh Trương Bảo N1 chung sống vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau). Theo chị N, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh N1 đi chơi thường xuyên, không lo cho gia đình, được gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, chị N xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh N1; anh N1 không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng: Hôn nhân của chị N và anh N1 có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; tuy nhiên, chị N yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh N1 đều vắng mặt, thể hiện việc anh N1 không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thật sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị N ly hôn với anh N1 là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung, tài sản, nợ và các vấn đề khác: Chị N xác định không có; anh N1 không có ý kiến nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Chúc N. Cho chị N được ly hôn với anh Trương Bảo N1 (giấy chứng nhận kết hôn số 06/2018 ngày 15/01/2018 của UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau).

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Chúc N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0007299 ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau thì chị N đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn